

Số: KH1T-13/11h00/DBQG-DBKH

Hà Nội, ngày 01 tháng 5 năm 2024

**BẢN TIN DỰ BÁO KHÍ HẬU THỜI HẠN THÁNG
TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC**
(Từ ngày 01-31/5/2024)

1. Phân tích, đánh giá thời tiết, khí hậu nổi bật tháng 4/2024

- Thời tiết nguy hiểm:

+ *Dông, lốc, sét, mưa đá*: Trong tháng 4, trên phạm vi toàn quốc đã xảy ra nhiều trận dông, lốc, sét và mưa đá tập trung chính ở các tỉnh phía Bắc (*Bảng 1- Phụ lục*).

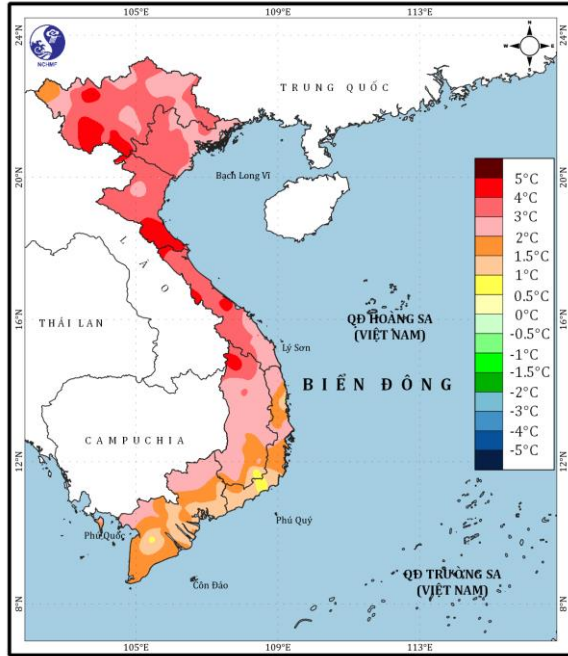
+ *Nắng Nóng*: Trong tháng 4, ở khu vực Tây Bắc Bắc Bộ và các tỉnh từ Thanh Hóa-Phú Yên đã xuất hiện 03 đợt nắng nóng và nắng nóng gay gắt, có nơi đặc biệt gay gắt: 01-04/4, 12-17/4 và 19-30/4; trong đó từ ngày 26-30/4 nắng nóng xuất hiện toàn bộ Bắc Bộ và Trung Bộ, riêng các tỉnh Tây Bắc Bắc Bộ và từ Thanh Hóa-Phú Yên có nắng nóng gay gắt và đặc biệt gay gắt với nhiệt độ phổ biến từ 39-42⁰C, riêng Trung Bộ có nơi trên 43⁰C. Tại khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ xuất hiện nắng nóng và nắng nóng gay gắt kéo dài trong tháng. Trên cả nước đã ghi nhận nhiều trạm có giá trị nhiệt độ cao nhất ngày vượt giá trị lịch sử (GTLS) cùng thời kỳ tháng 4 và có nơi còn cao hơn giá trị cao nhất năm từng quan trắc được (*Bảng 2- Phụ Lục*).

- **Nhiệt độ trung bình (NĐTĐB)**: Tại các khu vực Bắc Bộ, Bắc và Trung Trung Bộ cao hơn từ 2,0-4,0⁰C, có nơi trên 4,0⁰C. Các khu vực khác phổ biến cao hơn từ 1,0-3,0⁰C, riêng Tây Nguyên có nơi cao hơn 3,0⁰C so với trung bình nhiều năm (TBNN) cùng thời kỳ (*Hình 1a*).

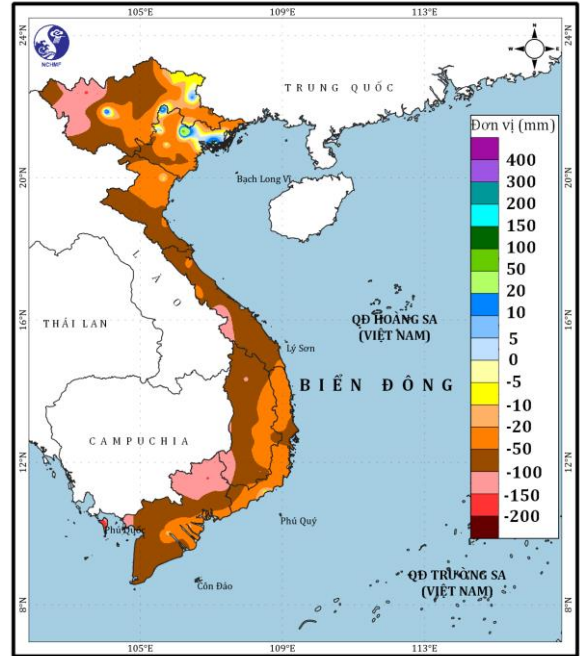
- **Lượng mưa**: Trong giai đoạn các ngày từ 05-10/4, tại các khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ có mưa, mưa nhỏ và mưa phùn rải rác. Giai đoạn các ngày 18-21/4, 24-25/4 có mưa rào và dông rải rác kèm lốc, sét xảy ra trên toàn khu vực Bắc Bộ, Thanh Hóa và Nghệ An. Đáng chú ý trong các trận mưa dông kèm lốc sét, mưa đá xảy ra đã gây ra nhiều thiệt hại về kinh tế, xã hội và môi trường cho các khu vực kể trên.

Tháng 4/2024, lượng mưa trên cả nước phổ biến thiếu hụt 30-60mm, khu vực Tây Bắc Bắc Bộ, Đông Nam Bộ thiếu hụt trên 100mm. Riêng khu Đông bắc

Bắc Bộ có nơi xấp xỉ đến cao hơn từ 15-30mm so với TBNN (Hình 1b).



(a)

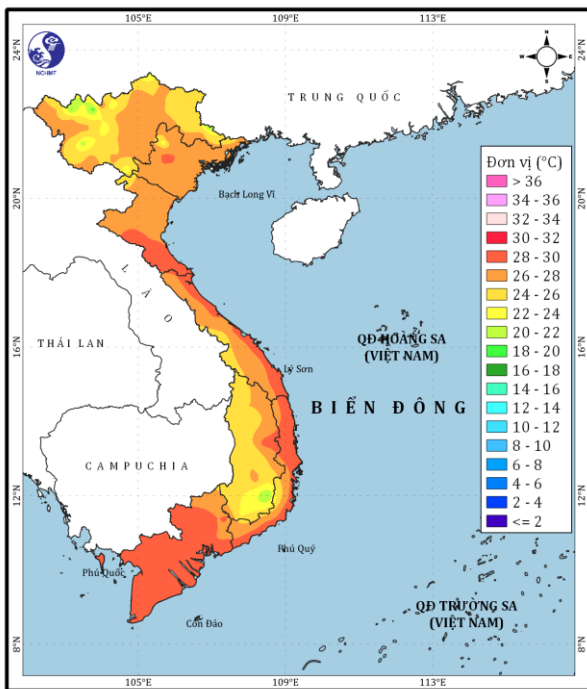


(b)

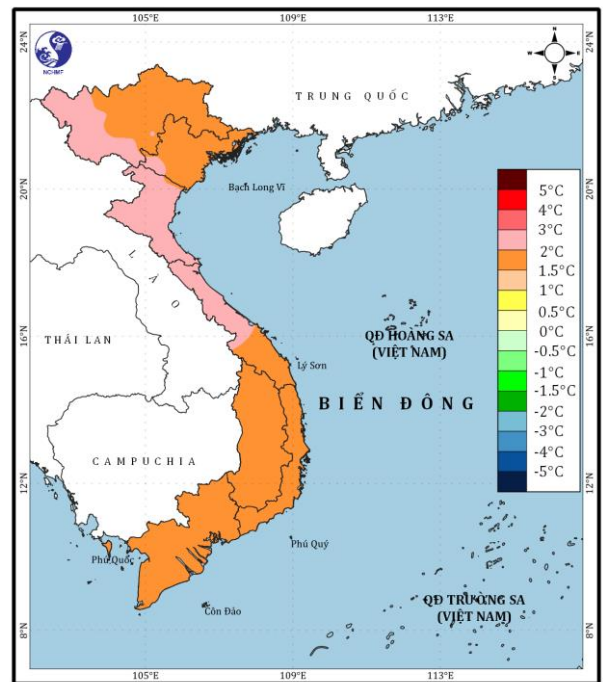
Hình 1: (a) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) tháng 4/2024; (b) Chuẩn sai lượng mưa (mm) tháng 4/2024.

2. Dự báo xu thế khí hậu tháng 5/2024

- **NDTB:** Trên cả nước phổ biến cao hơn so với TBNN từ 1,5-2,5 $^{\circ}\text{C}$, có nơi cao hơn so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 2b).



(a)



(b)

Hình 2: (a) Nhiệt độ TBNN ($^{\circ}\text{C}$) tháng 5; (b) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) tháng 5/2024.

Tây Nguyên và Nam Bộ còn tiếp diễn; riêng khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ khô hạn có xu hướng giảm dần từ khoảng thời kỳ 10 ngày cuối tháng 5/2024.

- **Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội:** Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như mưa dông kèm theo lốc, sét, mưa đá có thể ảnh hưởng lớn đến sản xuất và các hoạt động dân sinh. Với sự thiếu hụt mưa và khả năng nắng nóng xuất hiện nhiều nơi tại các khu vực trên phạm vi cả nước, do đó nguy cơ cao kéo dài thêm tình trạng khô hạn, thiếu nước và tiềm ẩn các nguy cơ cháy nổ rất cao.

3. Dự báo nhiệt độ trung bình và lượng mưa tháng 5/2024

Khu vực dự báo (các trạm khí tượng đặc trưng)	Thời kỳ 01-10/5		Thời kỳ 11-20/5		Thời kỳ 21-31/5		Cả thời kỳ	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Sơn La (Miền núi phía Bắc)	27,0-28,0	40-70	26,5-27,5	20-50	26,5-27,5	40-80	26,5-27,5	100-200
Việt Trì (Miền núi phía Bắc)	28,0-29,0	50-100	28,0-29,0	30-60	29,0-30,0	40-80	28,5-29,5	150-250
Hải Phòng (Đồng bằng và trung du Bắc Bộ)	27,5-28,5	40-70	27,5-28,5	30-60	28,0-29,0	50-100	27,5-28,5	120-230
Hà Đông (Đồng bằng và trung du Bắc Bộ)	28,0-29,0	50-100	28,0-29,0	40-70	29,0-30,0	40-80	28,5-29,5	130-250
Vinh (Bắc Trung Bộ)	29,5-30,5	40-70	29,5-30,5	20-50	30,5-31,5	30-60	30,0-31,0	90-180
Huế (Trung Trung Bộ)	29,5-30,5	40-70	29,5-30,5	10-30	29,5-30,5	20-50	29,5-30,5	70-150
Nha Trang (Nam Trung Bộ)	30,0-31,0	5-15	29,5-30,5	10-20	29,5-30,5	20-40	29,5-30,5	40-70
Buôn Ma Thuột (Tây Nguyên)	27,5-28,5	15-30	27,0-28,0	30-60	26,5-27,5	50-100	27,0-28,0	100-200
Châu Đốc (Nam Bộ)	30,5-31,5	20-50	29,0-30,5	20-50	29,0-30,0	20-50	29,5-30,5	70-150

Ghi chú:

- *Ttb*: Giá trị nhiệt độ trung bình (đơn vị: độ C);
- *R*: Giá trị tổng lượng mưa (đơn vị: milimét);
- *Chuẩn sai*: Giá trị chênh lệch của nhiệt độ/lượng mưa so với TBNN (đơn vị: độ C/milimét);
- *Tỷ chuẩn*: Giá trị chênh lệch tương đối của lượng mưa so với TBNN (đơn vị: %).

Tin phát ngày: 01/5/2024

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11/5/2024./.

Dự báo viên: Tạ Thị Hồng An

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Đức Hoà

Phụ lục

Bảng 1: Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm ở quy mô nhỏ trong tháng 4/2024
(Nguồn: Website Hệ thống giám sát thiên tai Việt Nam, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai)

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
Lốc	Xã Đắc som, huyện Đắc Glong, tỉnh Đắc Nông	01/4/2024
Lốc, mưa đá	Huyện Bảo Lạc, Bảo Lâm, Nguyên Bình, Trùng Khánh, Hạ Lang, Quảng Hà, tỉnh Cao Bằng	02/4/2024
Lốc, mưa đá	Huyện Bát Xát, Mường Khương, Si Ma Cai, thị xã Sapa, tỉnh Lào Cai	01-02/4/2024
Lốc	Xã Sơn Lang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai	01-03/4/2024
Đông, lốc, mưa đá	Huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	14/4/2024
Lốc	Huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình	15/4/2024
Lốc	Xã Lìa, Xy, Thanh – Hướng Hoá – tỉnh Quảng Trị	15/4/2024
Lốc	Ấp Hoà Lợi, xã Hoà Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long	16/4/2024
Mưa, dông, lốc	Huyện Hà Quảng, Bảo Lâm, Hoà An, Hạ Lang, Quảng Hoà, Trùng Khánh, Nguyên Bình, Bảo Lạc, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	17/4/2024
Mưa, dông, lốc	Huyện Lâm Bình, Chiêm Hoá, Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	17/4/2024
Mưa đá, dông, lốc	Huyện Quảng Chiểu, Pù Ninh, Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá	17/4/2024
Mưa, dông, lốc	Huyện Văn Bàn, Bảo Yên, Mường Khương, Bắc Hà, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai	17-18/4/2024
Mưa, dông, lốc	Huyện Đồng Văn, Hoàng Su Phì, Yên Minh, Xí Mần, Quang Bình, Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang	17-18/4/2024
Mưa, dông, lốc	Huyện Ngân Sơn, Bạch Thông, Chợ Đồn, Na Rì, Ba Bể, Chợ Mới, Pắc Nặm, tỉnh Bắc Kạn	17-18/4/2024
Đông, lốc	Xã Ngọc Lâm, Thanh Hương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	20/4/2024
Đông, lốc, mưa đá	Huyện Đà Bắc, Cao Phong, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình	20-21/4/2024
Đông, lốc	Huyện Ngân Sơn, Bạch Thông, Chợ Đồn, Na Rì, Ba Bể, Chợ Mới, Pắc Nặm – tỉnh	19-21/4/2024

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
	Bắc Kạn	
Đông, lốc	Huyện Hải Hà, Cô Tô, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	20-21/4/2024
Đông, lốc, mưa lớn	Huyện Trảng Định, Văn Lãng, Văn Quan, Bắc Sơn, Bình Gia, Hữu Lũng, Chi Lăng, Cao Lộc, Lộc Bình, Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn	20-21/4/2024
Đông, lốc, sét, mưa lớn	Huyện Đông Văn, Quảng Bá, Yên Minh, Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang	20-21/4/2024
Đông, lốc	Huyện Yên Lập, Tân Sơn, Tam Nông, Thanh Thủy, Thanh Sơn, Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ	20-21/4/2024
Đông, lốc	Huyện Nguyên Bình, Bảo Lạc, Trùng Khánh, Quảng Hoà, Hạ Lạng, Hoà An, Bảo Lâm, Hà Quảng, Thạch An, tỉnh Cao Bằng	19-21/4/2024
Đông, lốc	Huyện Phù Yên, Thuận Châu, Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La	20-21/4/2024
Đông, lốc	Huyện Pác Nặm, Ba Bể, Chợ Đồn, Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn	21-22/4/2024
Đông, lốc, sét, mưa đá	Bản Huồi Cáng 1, Huồi Cáng 2, xã Bắc Lý, xã Mỹ Lý, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An	23/4/2024
Lốc	Xã Xuối Hoa, huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình	23/4/2024
Mưa đá	Xã Hang Kia, Pà Cò, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình	24/4/2024
Đông, lốc, mưa đá	Huyện Phù Yên, Bắc Yên, Thuận Châu, Quỳnh Nhai, Vân Hồ, tỉnh Sơn La	24/4/2024
Đông, lốc, mưa đá	Huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai	24-25/4/2024
Lốc	Xã Mường Ải, Mường Típ, Bắc Lý, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An	26/4/2024
Mưa đá	Xã Ea Kly, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk	26/4/2024

Bảng 2: Nhiệt độ cao nhất ngày vượt GTLS trong tháng 4/2024

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 4	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Tuần Giáo (Điện Biên)	38,4	2023	38,8	04/4/2024
Đà Lạt (Lâm Đồng)	29,7	2016	29,9	08/4/2024

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 4	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Biên Hòa (Đồng Nai)	39,0	2020	40,0	09/4/2024
Long Khánh (Đồng Nai)	38,6	2013	39,5	09/4/2024
Than Uyên (Lai Châu)	37,8	2023	38,0	14/4/2024
Đắk Nông	37,0	2016	37,1	16/4/2024
Thủ Dầu Một (Bình Dương)	38,6	2016	39,9	16/4/2024
Pha Đin (Điện Biên)	31,5	1983,2006	31,6	23/4/2024
Phú Quý (Bình Thuận)	34,8	1990	35,5	23/4/2024
Phước Long (Bình Phước)	38,5	1987	39,7	25/4/2024
Vĩnh Long	37,6	2019	38,5	25/4/2024
Trà Nóc (Cần Thơ)	36,5	2016	37,0	25/4/2024
Cần Thơ	36,7	2019	37,4	25/4/2024
Đà Nẵng	40,0	2013	40,7	26/4/2024
Ba Tơ (Quảng Ngãi)	41,4	2016	41,8	26/4/2024
Kim Bôi (Hòa Bình)	39,7	1998	40,3	27/4/2024
Chi Nê (Hòa Bình)	41,0	2019	41,7	27/4/2024
Hòa Bình	41,1	2019	41,6	27/4/2024
Lào Cai	39,5	2012	41,7	27/4/2024
Yên Bái	36,9	1983	37,9	27/4/2024
Hà Giang	37,7	2012	37,8	27/4/2024
Tuyên Quang	38,3	2015	38,8	27/4/2024
Hàm Yên (Tuyên Quang)	38,0	1998	38,5	27/4/2024
Chiêm Hóa (Tuyên Quang)	38,6	1998	39,0	27/4/2024
Thái Nguyên	37,7	1990	39,4	27/4/2024
Minh Đài (Phú Thọ)	40,4	2006	41,2	27/4/2024
Việt Trì (Phú Thọ)	38,5	1998	38,8	27/4/2024
Vĩnh Yên (Vĩnh Phúc)	38,3	2015	39,5	27/4/2024
Tam Đảo (Vĩnh Phúc)	32,1	1988	32,2	27/4/2024
Uông Bí (Quảng Ninh)	35,3	2009	36,3	27/4/2024
Hiệp Hòa (Bắc Giang)	37,0	2012	39,0	27/4/2024
Bắc Giang	36,5	2015	37,0	27/4/2024
Bắc Ninh	36,6	2012	38,3	27/4/2024
Ba Vì (Hà Nội)	38,3	2006,2012	41,2	27/4/2024
Sơn Tây (Hà Nội)	37,8	1998	40,4	27/4/2024
Láng (Hà Nội)	39,0	2006	41,5	27/4/2024

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 4	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Hoài Đức (Hà Nội)	38,5	2019	40,7	27/4/2024
Hà Đông (Hà Nội)	37,2	2015	40,5	27/4/2024
Chí Linh (Hải Dương)	37,2	2015	37,8	27/4/2024
Hải Dương	36,5	1998	38,5	27/4/2024
Hưng Yên	38,2	2019	41,2	27/4/2024
Nam Định	37,7	2019	40,5	27/4/2024
Văn Lý (Nam Định)	34,7	1990	34,9	27/4/2024
Phủ Lý (Hà Nam)	38,9	1966	41,8	27/4/2024
Ninh Bình	40,2	2019	40,5	27/4/2024
Thái Bình	37,0	1990	39,0	27/4/2024
Yên Định (Thanh Hóa)	37,1	1966	39,0	27/4/2024
Huế (Thừa Thiên Huế)	40,6	2019	42,2	27/4/2024
Tam Kỳ (Quảng Nam)	39,6	1983	40,8	27/4/2024
Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk)	38,2	2016	38,9	27/4/2024
Cát Tiên (Lâm Đồng)	38,0	2015,2016	39,1	27/4/2024
Đồng Phú (Bình Phước)	40,1	1987	40,2	27/4/2024
Trị An (Đồng Nai)	38,8	2016	38,9	27/4/2024
Sóc Trăng	37,1	1990	37,5	27/4/2024
Mường Lay (Điện Biên)	40,5	2023	41,0	28/4/2024
Điện Biên	38,4	2023	39,0	28/4/2024
Sơn La	38,0	2023	38,2	28/4/2024
Lạc Sơn (Hòa Bình)	40,7	2012	42,0	28/4/2024
Kỳ Anh (Hà Tĩnh)	38,8	2001,2007,2016	41,1	28/4/2024
Đông Hà (Quảng Trị)	42,1	1980	44,0	28/4/2024
Nha Trang (Khánh Hòa)	34,6	2009	34,7	28/4/2024
Trường Sa (Khánh Hòa)	36,4	2020	36,8	28/4/2024
Mỹ Tho (Tiền Giang)	37,0	2017	37,8	28/4/2024
Càng Long (Trà Vinh)	37,0	2003	38,1	28/4/2024
Thổ Chu (Kiên Giang)	36,5	2012	37,3	28/4/2024
Bắc Yên (Sơn La)	37,6	2023	38,0	29/4/2024
EaHleo (Đắk Lắk)	37,3	2016	38,2	29/4/2024
Bến Tre	37,0	2016	38,0	29/4/2024
Cao Lãnh (Đồng Tháp)	37,4	1983	39,0	29/4/2024
Mường Tè (Lai Châu)	40,5	1980	41,7	30/4/2024

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 4	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Phù Yên (Sơn La)	41,7	2019	42,0	30/4/2024
Mai Châu (Hòa Bình)	40,9	2019	42,5	30/4/2024
Phổ Ràng (Lào Cai)	39,8	2019	40,7	30/4/2024
Bắc Mê (Hà Giang)	40,0	2016	40,2	30/4/2024
Bắc Quang (Hà Giang)	38,0	1988	38,8	30/4/2024
Đồng Văn (Hà Giang)	33,0	2017,2019	34,0	30/4/2024
Chợ Rã (Bắc Kạn)	39,3	2012	39,8	30/4/2024
Cao Bằng	39,5	2006,2016	39,9	30/4/2024
Bảo Lạc (Cao Bằng)	39,7	1966,2012	40,8	30/4/2024
Trùng Khánh (Cao Bằng)	37,0	2006	37,2	30/4/2024
Thất Khê (Lạng Sơn)	38,5	2006	39,2	30/4/2024
Lạng Sơn	37,9	2012	38,6	30/4/2024
Mẫu Sơn (Lạng Sơn)	29,8	2012	31,2	30/4/2024
Móng Cái (Quảng Ninh)	32,5	2017	33,2	30/4/2024
Quảng Hà (Quảng Ninh)	32,8	2017	33,5	30/4/2024
Sơn Động (Bắc Giang)	38,7	2012	39,3	30/4/2024
Nho Quan (Ninh Bình)	40,6	2019	41,1	30/4/2024
Cúc Phương (Ninh Bình)	38,5	2012,2019	39,2	30/4/2024
Sầm Sơn (Thanh Hóa)	35,3	2012	36,3	30/4/2024
Thanh Hóa	38,4	2019	40,1	30/4/2024
Như Xuân (Thanh Hóa)	40,0	2007	41,0	30/4/2024
Tĩnh Gia (Thanh Hóa)	40,8	2019	43,9	30/4/2024
Tương Dương (Nghệ An)	42,4	2019	44,0	30/4/2024
Qùy Hợp (Nghệ An)	41,8	2007	42,4	30/4/2024
Con Cuông (Nghệ An)	42,0	1980,2019	43,2	30/4/2024
Quỳnh Lưu (Nghệ An)	38,4	2019	42,0	30/4/2024
Đô Lương (Nghệ An)	41,5	2019	43,1	30/4/2024
Hòn Nư (Nghệ An)	37,5	2019	40,1	30/4/2024
Vinh (Nghệ An)	41,0	2019	42,9	30/4/2024
Hương Sơn (Hà Tĩnh)	40,4	2016	42,7	30/4/2024
Hà Tĩnh	40,3	2019	43,2	30/4/2024
Hoành Sơn (Hà Tĩnh)	39,4	2019	42,7	30/4/2024
Tuyên Hóa (Quảng Bình)	43,0	2019	43,1	30/4/2024
Đồng Hới (Quảng Bình)	41,0	2015	43,2	30/4/2024

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 4	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Ba Đồn (Quảng Bình)	40,8	2015	43,2	30/4/2024
Khe Sanh (Quảng Trị)	39,3	2016	39,8	30/4/2024
A Lưới (Thừa Thiên Huế)	38,1	1983	39,2	30/4/2024
Nam Đông (Thừa Thiên Huế)	41,1	2013	42,2	30/4/2024
Trà My (Quảng Nam)	40,5	1983	40,6	30/4/2024
Hoài Nhơn (Bình Định)	40,2	2016	40,9	30/4/2024